

*Bản án số 13 /2020/HNGĐ-ST
Ngày 10 /3/2020
“Về việc ly hôn”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Bảo Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Công Văn
2. Bà Đoàn Sơn Lâm

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Khổng Phúc Vĩnh Nhật - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thụ lý số 187/2019/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2019 giữa:

1. **Nguyên đơn:** Chị **Hoàng Huỳnh S**, sinh năm 1993

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện TU, tỉnh Bình Dương.

2. **Bị đơn:** Anh **Lâm Thành N**, sinh năm 1989

Nơi cư trú: Ấp P, xã T, huyện VT, thành phố Cần Thơ.

(Chị S có mặt, anh N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện ngày 14/5/2019, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Hoàng Huỳnh S trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lâm Thành N tự quen biết, tìm hiểu được khoảng 02 năm, tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức đám hỏi, không có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện TU, tỉnh Bình Dương ngày 30 tháng 3 năm 2015.

Sau khi kết hôn chị S và anh N ở trọ và đi làm Công ty gỗ ở xã Tân Vĩnh Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, hai người sống hạnh phúc được đến khoảng tháng 9, tháng 10 năm 2015 (dl), thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng chị không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng cự cãi và anh N bỏ nhà trọ đi cho đến nay, hiện nay anh N ở đâu hay làm gì thì chị cũng không biết rõ địa chỉ cụ thể, nên đã ly thân từ khi phát sinh mâu thuẫn cho đến nay. Trong thời gian ly thân chị và anh N không có liên lạc với nhau và cũng không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm không còn nên xin được ly hôn.

Về con: Chị và anh N chưa có con chung nên không đặt vấn đề để Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung riêng và nợ: Không có, nên không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn anh Lâm Thành N, có lời khai trong quá trình tố tụng:

Về hôn nhân: Anh và chị Huỳnh Hoàng S tự quen biết, tìm hiểu được khoảng 04 đến 05 tháng, thì hai người tự nguyện tiến đến hôn nhân, không có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện TU, tỉnh Bình Dương ngày 30 tháng 3 năm 2015.

Sau khi kết hôn, anh và chị S cùng đi làm công nhân ở tỉnh Bình Dương và hai người chung sống hạnh phúc được khoảng 01 đến 02 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, theo anh N nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là vợ chồng sống chung không còn phù hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nên hạnh phúc không thể duy trì. Do đó, anh và chị S đã ly thân từ khoảng tháng 9, tháng 10 năm 2015 (dl) cho đến nay, trong thời gian ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị S xin ly hôn anh cũng đồng ý.

Về con: Quá trình chung sống, anh và chị S chưa có con chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản và nợ: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do phải đi làm ăn xa, không có điều kiện tham gia tố tụng, nên anh N yêu cầu Tòa án cho anh được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử tại Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến yêu cầu được ly hôn với anh N.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thu lý vụ án cho đến khi xét xử vụ án đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Sương được ly hôn với anh N.

Về con và tài sản: Không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, đồng thời, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền:

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Huỳnh S là xin ly hôn với anh Lâm Thành N do mâu thuẫn gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Lâm Thành N cư trú tại địa bàn xã T, huyện VT, thành phố Cần Thơ nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Quá trình tố tụng, tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 07 tháng 10 năm 2019, anh Nhớ có ý kiến xin được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử tại Tòa án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung giải quyết:

Chị Hoàng Huỳnh S và anh Lâm Thành N tự quen biết, tìm hiểu, không có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện TU, tỉnh Bình Dương vào ngày 30 tháng 3 năm 2015 theo quy định nên hôn nhân của chị và anh N là hợp pháp. Chị S có đơn xin ly hôn được Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Theo lời trình bày của chị S, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng chị không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng cự cãi và anh N bỏ nhà đi cho đến nay, vợ chồng chị ly thân khoảng tháng 9, tháng 10 năm 2015(dl), trong thời gian ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm không còn chị xin được ly hôn với anh Lâm Thành N.

[3] Về phía anh N, quá trình tố tụng anh trình bày anh và chị S tự quen biết, tìm hiểu được 4 đến 5 tháng thì hai người tự nguyện tiến đến hôn nhân, không có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn anh và chị S sống hạnh phúc được khoảng 01 đến 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng anh sống chung không còn phù hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nên hạnh phúc không thể tiếp tục kéo dài, nên hai người đã ly thân. Trong thời gian ly thân, anh và chị S cũng không ai quan tâm đến ai, nay chị S xin ly hôn anh cũng đồng ý. Lẽ ra, trong trường hợp này, Tòa án công nhận chị S và anh N thuận tình ly hôn. Tuy nhiên, trong quá trình tố tụng, anh N có yêu cầu vắng mặt (không tham gia hòa giải, xét xử) nên Tòa án không tiến hành hòa giải được mà phải đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Đồng thời xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho chị S được ly hôn với anh N là phù hợp.

[4] Về con: Chị S và anh N chưa có con chung nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản và nợ: Quá trình tố tụng, các đương sự không ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị S phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về *mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 51, 54 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về *mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận cho chị Hoàng Huỳnh S được ly hôn với anh Lâm Thành N.

2/ Về con: Không có, nên không xem xét giải quyết

3/ Về tài sản, nợ: Không có ai yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Buộc chị Hoàng Huỳnh S phải chịu 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng). Tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị S đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/001743, ngày 11 tháng 7 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ được chuyển thành án phí (chị S đã nộp đủ án phí).

5/ Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND huyện Vĩnh Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thạnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Võ Bảo Anh

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

